**BẢN THUYẾT MINH**

**Quy định mức chi phí quản lý thực hiện Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng do ngân sách Trung ương đảm bảo trên địa bàn tỉnh**

*(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /01/2026 của UBND tỉnh)*

**I. THỰC TRẠNG, TÌNH HÌNH THỰC TIỄN**

**1. Thực trạng công tác quản lý và sử dụng chi phí**

***1.1. Thực trạng công tác quản lý đối tượng***

Trước ngày 01/7/2025, công tác quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách, chế độ người có công do Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội thực hiện, số lượng đối tượng trên địa bàn các huyện, thành phố đông, địa bàn ít đối tượng nhất là 130 người, địa bàn nhiều đối tượng nhất là 660 người, cụ thể:

- 02 huyện có tổng đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên từ 130 đến dưới 200 đối tượng.

- 04 huyện có tổng đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên từ 200 đến dưới 300 đối tượng.

- 03 huyện có tổng đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên từ 300 đến dưới 400 đối tượng.

- 01 huyện có tổng đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên từ 400 đến dưới 500 đối tượng.

- 01 thành phố có tổng đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên trên 600 đối tượng.

Sau ngày 01/7/2025, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, có 65 đơn vị hành chính cấp xã, công tác quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách, chế độ người có công do UBND cấp xã thực hiện, số lượng đối tượng trên địa bàn bị chia nhỏ, chủ yếu dưới 100 đối tượng, cụ thể:

- 56 xã có tổng đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên dưới 100 đối tượng.

- 07 xã có tổng đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên từ 100 đến dưới 200 đối tượng.

- 02 phường có tổng đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên từ 200 đối tượng trở lên.

***1.2. Thực trạng công tác phân bổ, sử dụng phí quản lý***

Trong những năm qua, việc quản lý và sử dụng ngân sách để thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 44/2022/TT-BTC ngày 21/7/2022 của Bộ Tài chính. Theo đó, tỷ lệ (%) chi phí quản lý được giao cho tỉnh Lạng Sơn là 6,79% tại Quyết định số 206/QĐ-LĐTBXH ngày 11/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Căn cứ số lượng đối tượng và điều kiện địa bàn của từng huyện, thành phố, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện phân bổ chi phí quản lý cho các cơ quan, đơn vị thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh.

Kết quả thực hiện việc sử dụng chi phí quản lý trong 04 năm gần đây như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng kinh phí thực hiện** | **Sở LĐTBXH[[1]](#footnote-1)** | | **Phòng LĐTBXH[[2]](#footnote-2)** | | **Ghi chú** |
| **Kinh phí** | **Tỷ lệ %** | **Kinh phí** | **Tỷ lệ %** |
| 2022 | 7.973.153.129 | 1.306.426.800 | 16,385 | 6.666.726.329 | 83,615 |  |
| 2023 | 8.961.263.500 | 2.853.682.800 | 31,845 | 6.107.580.700 | 68,155 |  |
| 2024 | 7.150.467.829 | 1.293.214.600 | 18,086 | 5.857.253.229 | 81,914 |  |
| 2025 | 8.550.000.000 | 1.750.000.000 | 20,468 | 6.800.000.000 | 79,532 | Dự kiến |
| **Bình quân** | | | **21,7** |  | **78,3** |  |

Việc phân bổ tỷ lệ phí quản lý cho các huyện, thành phố cơ bản đáp ứng được nhu cầu để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán và tổ chức thực hiện chi trả.

Tuy nhiên, từ ngày 01/7/2025 thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đa phần các xã quản lý số lượng người có công dưới 50 người, nên một số nội dung chi không còn phù hợp như: chi tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, sơ kết, tổng kết, tọa đàm trao đổi nghiệp vụ, học tập kinh nghiệm; công tác kiểm tra, giám sát; chi hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý tài chính, quản lý hồ sơ, đối tượng, công tác mộ liệt sĩ; chi đón tiếp người có công…Trong thời gian tới, các nội dung trên do Sở Nội vụ chủ trì thực hiện để đảm bảo tính hiệu quả của chính sách, vì vậy việc xây dựng Nghị quyết về chi phí quản lý là cần thiết, có cơ sở và phù hợp với tình hình thực tiễn.

**2. Thực trạng mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả**

Từ năm 2023 trở lại đây, việc chi trả trợ cấp cho người có công giao chocông chức Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện. Định mức chitrả thù lao được tính theo khoảng cách địa lý: đối với các xã, thị trấn có cự lydưới 15 km tính từ trung tâm huyện, mức chi thù lao bằng 30% phí quản lý toàntỉnh trên tổng số tiền thực chi trả các chế độ ưu đãi người có công với cáchmạng; đối với các xã, thị trấn có cự ly từ 15 km trở lên tính từ trung tâm huyện,mức chi thù lao bằng 35% phí quản lý toàn tỉnh trên tổng số tiền thực chi trả cácchế độ ưu đãi người có công với cách mạng.

Hiện nay vẫn còn 22 xã giao cho công chức thực hiện chi trả trợ cấp, số đối tượng chi trả hằng tháng là 330 người, kinh phí: 1.060 triệu đồng/tháng, kinh phí chi thù lao khoảng 21,5 triệu đồng.

**3. Thực trạng mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả**

Mức chi phí cho tổ chức dịch vụ chi trả hiện nay đang triển khai trên địa bàn tỉnh bằng 2,6% trên tổng kinh phí thực tế chi trả các chế độ trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng hàng tháng. Có 32 xã, phường đang ký hợp đồng với tổ chức dịch vụ chi trả (hệ thống Bưu điện) cho tổng số 843 người, tổng kinh phí chi trả cho đối tượng là 2.650 triệu đồng/tháng, chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ tương đương 68,9 triệu đồng/tháng.

Như vậy, chưa đảm bảo 100% chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt, do vậy việc xây dựng Nghị quyết quy định về chi phí chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả và chi phí chi trả cho tổ dịch vụ chi trả cho người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn là cần thiết.

**II. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH**

**1. Đề xuất quy định tỷ lệ chi phí quản lý**

- Các xã, phường có tổng số đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên dưới 100 đối tượng: Cấp tỉnh bằng 30%; cấp xã bằng 70% trên tổng chi phí quản lý được giao trong dự toán hằng năm của tỉnh.

- Các xã, phường có tổng số đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên dưới 200 đối tượng: Cấp tỉnh bằng 40%; cấp xã bằng 60% trên tổng chi phí quản lý được giao trong dự toán hằng năm của tỉnh.

- Các xã, phường có tổng số đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên trên 200 đối tượng: Cấp tỉnh bằng 50%; cấp xã bằng 50% trên tổng chi phí quản lý được giao trong dự toán hằng năm của tỉnh.

**Cơ sở đề xuất:**

Dự kiến tổng kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi người có công năm 2026 của tỉnh (trừ kinh phí hỗ trợ các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng và chi công tác mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ) là: 171.387 triệu đồng. Với tỷ lệ phí là 6,79% tương đương phí quản lý của toàn tỉnh là 11.637 triệu đồng. Căn cứ các nhiệm vụ chi để thực hiện phân bổ chi phí quản lý như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đơn vị** | **Các nội dung chủ yếu thực hiện** | **Tương đương kinh phí** |
| Các xã, phường | - Chi làm thêm giờ; chi công tác phí; chi văn phòng phẩm, in ấn;  - Chi thông tin tuyên truyền các chính sách, công tác quản lý chăm sóc đối tượng.  - Chi phí chuyển tiền cho người thụ hưởng chính sách, cho cơ quan dịch vụ chi trả, chi phí làm thẻ ATM cho người thụ hưởng có yêu cầu thanh toán qua ngân hàng.  - Chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả trợ cấp đến người thụ hưởng;  - Chi thuê tổ chức dịch vụ chi trả trợ cấp cho người thụ hưởng,...  - Một số nội dung chi khác theo tình hình thực tế và dự toán được giao. | Tổng kinh phí  7.463 triệu đồng/năm tương đương  65% |
| Sở Nội vụ | - Chi phổ biến chính sách ưu đãi người có công với cách mạng;  - Chi thông tin, tuyên truyền về chính sách, công tác quản lý, chăm sóc người có công với cách mạng;  - Chi hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý tài chính, quản lý hồ sơ, đối tượng, chi trả chế độ ưu đãi, công tác mộ liệt sĩ;  - Chi văn phòng phẩm, in ấn, phô tô tài liệu, biểu mẫu, thông báo, báo cáo, mua sách, tài liệu phục vụ cho công tác quản lý;  - Chi xét duyệt, thẩm định, điều chỉnh hồ sơ người có công;  - Chi tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, sơ kết, tổng kết, tọa đàm trao đổi nghiệp vụ, kinh nghiệm về tổ chức thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng;  - Chi hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra; lập dự toán, xét duyệt, thẩm định quyết toán kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công;  - Chi công tác phí thẩm định, thực chứng, giải quyết hồ sơ người có công;  - Chi làm đêm, thêm giờ theo quy định của Bộ luật Lao động;  - Chi xăng dầu, thông tin liên lạc phục vụ công tác thực hiện chính sách ưu đãi người có công;  - Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác chi trả và quản lý đối tượng, quản lý kinh phí;  - Chi phí giám định tài liệu kỹ thuật hình sự hồ sơ người có công;  - Chi thuê mướn, hợp đồng giao khoán công việc và chi khác phục vụ công tác quản lý;  - Chi đón tiếp người có công với cách mạng,... | Tổng kinh phí  4.173 triệu đồng/năm tương đương  35% |

**2. Đề xuất mức chi thù lao** **cho người trực tiếp chi trả trợ cấp**

Thực hiện các văn bản chỉ đạo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ, UBND tỉnh về đẩy mạnh chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt và qua tổ chức dịch vụ, tiến tới việc chi trả trợ cấp cho đối tượng sẽ không giao cho công chức cấp xã chi trả.

Tuy nhiên đối với một số xã có ít đối tượng (dưới 10) không có tổ chức dịch vụ chi trả, hoặc không thuê được tổ chức dịch vụ thì công chức cấp xã vẫn phải thực hiện chi trả trợ cấp cho đối tượng.

Đề xuất: Mức thù lao cho người trực tiếp chi trả trợ cấp bằng 20% trên tổng chi

phí quản lý được giao trong dự toán hằng năm của xã, phường.

**3. Đề xuất mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả trợ cấp**

Do số lượng đối tượng người có công trên địa bàn các xã, phường phải chi trả lớn, tuy nhiên tổng kinh phí chi trả hằng tháng thấp, để tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chi trả trợ cấp cho người có công qua tổ chức chi trả, đề xuất tăng mức chi phí từ 2,6% lên 3% trên tổng kinh phí thực tế chi trả các chế độ trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng hàng tháng.

*(Có biểu thực trạng tình hình chi trả và biểu thuyết minh*

*phân bổ kinh phí chi tiết kèm theo)./.*

1. Từ 01/3/2025 là Sở Nội vụ [↑](#footnote-ref-1)
2. Từ 01/7/2025 là Phòng Văn hóa – xã hội thuộc UBND các xã, phường. [↑](#footnote-ref-2)